

Bản án số: 35/2024/HS-ST

Ngày: 24-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quế

Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Hoàng

Ông Hồng Văn Hận

Ông Lê Hoàng Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 26/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc T, sinh năm 1989 tại Cà Mau; nơi cư trú: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Th và bà Hồ Thị A; vợ tên Hồ Thị Cam L và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 23/10/2023 đến nay. Bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Xuân Ký của Công ty Luật TNHH Luật Sông thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. Luật sư có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Lữ Quốc V, sinh ngày 24/5/1991 (có mặt)

2. Bà Phan Thị Thúy H, sinh ngày 02/12/1992 (vợ ông V, có mặt).

Cùng nơi cư trú: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/4/2023 Cơ quan Cảnh sát Công an tỉnh Cà Mau tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Cơ quan Cảnh sát Công an huyện Cái Nước chuyển đến, về việc bà Phan Thị Thúy H tố giác ông Nguyễn Quốc T, là người làm thuê cho vợ chồng bà tại dịch vụ cầm đồ “Quốc V” đã lợi dụng công việc được giao từ tháng 11/2018 đến tháng 8/2021 ông T đã lập khống nhiều hồ sơ cầm cố xe mô tô các loại

chiếm đoạt của bà trên 1.000.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định được như sau:

Dịch vụ cầm đồ “Quốc V” do ông Lữ Quốc V (chồng bà Phan Thị Thúy H - làm chủ hộ kinh doanh) có địa chỉ tại Quốc lộ 1A, khóm N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau. Theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 61E8005186 do UBND huyện Cái Nước cấp lần đầu ngày 29/3/2016 và thay đổi lần thứ nhất ngày 07/3/2022, ngành nghề kinh doanh là: Dịch vụ cầm đồ và mua bán xe máy cũ.

Nguyễn Quốc T có quan hệ là bạn bè với vợ chồng bà Phan Thị Thúy H và ông Lữ Quốc V, vào khoảng tháng 11/2018 T đến làm thuê cho vợ chồng bà H tại Dịch vụ cầm đồ “Quốc V”. Tiền công thì T được trả hàng tháng là 6.000.000 đồng, việc T làm thuê cho vợ chồng bà H chỉ thỏa thuận bằng miệng, không có lập hợp đồng lao động. Công việc của T hàng ngày là: Từ 07 giờ đến 17 giờ hàng ngày khi có khách đến cầm xe thì T là người trực tiếp thẩm định giá trị chiếc xe khách đem đến cầm; Kiểm tra giấy tờ xe và Căn cước công dân (Chứng minh nhân dân) đảm bảo tính hợp pháp; lập Hợp đồng cầm cố tài sản (theo mẫu có sẵn của Dịch vụ cầm đồ Quốc V) và ghi chép vào sổ để theo dõi; Quản lý giấy tờ liên quan đến các hợp đồng cầm cố và thanh quyết toán tài sản cầm cố của khách hàng; Nhận tiền lãi do khách hàng đóng lãi; Nhận tiền chuộc xe do khách hàng thanh quyết toán khoản vay. H ngày vào mỗi buổi sáng bà H trực tiếp đưa tiền cho T từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, để T thực hiện công việc nêu trên, nếu số tiền không đủ T nói bà H đưa thêm. Đến cuối ngày T đem sổ ghi chép để đối chiếu với bà H về số tiền buổi sáng bà H đưa phần sử dụng không hết thì trả lại cho bà H. Bà H căn cứ vào sổ ghi chép của T để sao chép qua sổ của bà H. Bà H không yêu cầu T đưa các hợp đồng cầm cố trong ngày cho bà mà giao cho T quản lý, không trực tiếp kiểm tra từng hợp đồng cầm cố và không kiểm đếm xe. Còn ông V có công việc khác ngoài chợ, không tham gia vào việc cầm cố xe.

T đã lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của vợ chồng bà H. Do cần tiền sinh hoạt trong gia đình, chi xài cá nhân và cần vốn làm ăn, T đã đưa ra thông tin gian dối tự nghĩ ra và ghi tên khách hàng vào sổ theo dõi của T bao gồm: Họ tên khách hàng, loại xe, số điện thoại di động của khách hàng, biển kiểm soát của xe, ngày tháng năm cầm cố xe, số tiền cầm cố... để lấy tiền từ bà H đưa mỗi ngày mà không bị phát hiện, cuối ngày T đem sổ đến đối chiếu với bà H về các hợp đồng mà khách hàng cầm cố trong ngày, số tiền cầm cố trong ngày, bà H căn cứ vào sổ ghi chép của T sao chép qua sổ của bà H. T không lập hợp đồng cầm cố cho những xe mà T tự nghĩ ra để chiếm đoạt tiền của bà H mà chỉ đánh dấu trong sổ ghi chép. Đến thời hạn đóng lãi T tự đóng lãi và ghi vào sổ rồi đưa tiền lãi cho bà H. Do bà H tin tưởng T, không kiểm tra hợp đồng cầm cố, không kiểm đếm xe trong cơ sở cầm đồ nên trong một thời gian dài không phát hiện ra hành vi chiếm đoạt tiền của T. Khoảng tháng 6/2021, T không còn khả năng đóng lãi cho số tiền mà T chiếm đoạt thì bị vợ chồng bà H phát hiện. T và vợ chồng bà H kiểm đếm xe trong cơ sở kinh doanh đối chiếu với từng hợp đồng thì phát hiện từ tháng 09/2019 đến tháng 06/2021, T ghi không 50 hợp đồng cầm cố xe các loại, chiếm đoạt của vợ chồng bà 1.318.000.000 đồng. Cụ thể 50 hợp đồng cầm cố tài sản gồm:

1/ Tô Hữu Lợi, số điện thoại 0833.613.614, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69E1-032.42, cầm giá 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 14/9/2019;

2/ Trần Minh Hoàng, số điện thoại 0913.551.074, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69N1-205.93, cầm giá 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 06/10/2019;

3/ Trương Văn Thái, số điện thoại 0883.257.572, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69K1-003.72, cầm giá 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 14/10/2019;

4/ Nguyễn Quốc Trọng, số điện thoại 0919.874.374, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69E1-002.83, cầm giá 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 03/12/2019;

5/ Trần Kháng An, số điện thoại 0918.661929, cầm xe mô tô, số loại Vario, biển số đăng ký 69E1-390.36, cầm giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 10/12/2019;

6/ Đỗ Hồng Nam, số điện thoại 0939.212.100, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69K1-117.90, cầm giá 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 02/01/2020;

7/ Tô Du Khứ, số điện thoại 0944.495.252, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69B1-173.55, cầm giá 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 31/01/2020;

8/ Nguyễn Minh Đương, số điện thoại 0912.987.432, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69E1-228.32, cầm giá 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 13/3/2020;

9/ Trần Văn Nura, số điện thoại 0883.723.972, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69E1-387.09, cầm giá 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 14/3/2020;

10/ Trần Chí Linh, số điện thoại 0913.225.363, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69E1-453.73, cầm giá 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 10/4/2020;

11/ Nguyễn Văn Mun, số điện thoại 0932.869.739, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69K1-138.99, cầm giá 19.000.000đ (mười chín triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 26/3/2020;

12/ Lê Tấn Kiên, số điện thoại 0946.378.478, cầm xe mô tô, số loại Vario, biển số đăng ký 69K1-228.69, cầm giá 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 12/5/2020;

13/ Trần Chí Linh, số điện thoại 0913.225.363, cầm xe mô tô, số loại Vario, biển số đăng ký 69E1-499.03, cầm giá 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 31/5/2020;

14/ Dương Hữu Minh, số điện thoại 0938.888.810, cầm xe mô tô, số loại Vario, biển số đăng ký 69K1-287.10, cầm giá 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 13/6/2020;

15/ Trần Hào Hùng, số điện thoại 0912.571.193, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69E1-005.48, cầm giá 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 24/6/2020;

16/ Võ Nam Minh, số điện thoại 0938.093.093, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69K1-138.51, cầm giá 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 24/6/2020;

17/ Ngô Văn Kiên, số điện thoại 0938.139.149, cầm xe mô tô, số loại Janus, biển số đăng ký 69K1-361.21, cầm giá 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 25/7/2020;

18/ Trần Minh Út, số điện thoại 0913.873.875, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69K1-117.27, cầm giá 34.000.000đ (ba mươi bốn triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 27/7/2020;

19/ Trịnh Văn Bình, số điện thoại 0886.313.314, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69L1-188.98, cầm giá 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 06/8/2020;

20/ Nguyễn Thanh Đa, số điện thoại 0814.112.122, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69K1-162.82, cầm giá 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 31/8/2020;

21/ Võ Hoàng Nhanh, số điện thoại 0837.825.737, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69K1-219.78, cầm giá 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 03/9/2020;

22/ Ngô Văn Viễn, số điện thoại 0838.727.828, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69K1-325.76, cầm giá 19.000.000đ (mười chín triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 12/9/2020;

23/ Trương Ý Như, số điện thoại 0838.103.038, cầm xe mô tô, số loại Wave, biển số đăng ký 69K1-327.86, cầm giá 8.000.000đ (tám triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 18/9/2020;

24/ Trương Ý Như, số điện thoại 0838.103.038, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69K1-137.97, cầm giá 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 29/9/2020;

25/ Trịnh Văn Nhựt, số điện thoại 0938.938.838, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69F1-312.87, cầm giá 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 01/10/2020;

26/ Nguyễn Thị Quyền, số điện thoại 0912.907.907, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69L1-0054, cầm giá 10.000.000đ (mười triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 07/10/2020;

27/ Hồ Văn Ôn, số điện thoại 0947.787.706, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69M1-275.03, cầm giá 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 14/10/2020;

28/ Trần Minh T, số điện thoại 0912.907.907, cầm xe mô tô, số loại Wave, biển số đăng ký 69E1-133.12, cầm giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 24/10/2020;

29/ Ngô Việt Anh, số điện thoại 0836.871.873, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69M1-278.97, cầm giá 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 02/12/2020;

30/ Ngô Bắc Kinh, số điện thoại 0911.004.104, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69L1-5138, cầm giá 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 02/12/2020;

31/ Hồ Văn Sáng, số điện thoại 0943.043.843, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69K1-378.21, cầm giá 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 11/12/2020;

32/ Huỳnh Nhật Trong, số điện thoại 0916.099.199, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69S1-4496, cầm giá 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 15/12/2020;

33/ Lâm Minh Tài, số điện thoại 0886.088.089, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69K1-318.38, cầm giá 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 23/12/2020;

34/ Nguyễn Văn Quốc, số điện thoại 0919.727.298, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69M1-318.19, cầm giá 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 29/12/2020;

35/ Nguyễn Thành Danh, số điện thoại 0938.168.169, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69K1-038.71, cầm giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 11/01/2021;

36/ Trần Thanh Tạo, số điện thoại 0944.774.774, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69K1-371.61, cầm giá 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 16/01/2021;

37/ Nguyễn Thanh Tùng, số điện thoại 0939.181.880, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69L1-381.13, cầm giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 20/01/2021;

38/ Nguyễn Thanh Tiền, số điện thoại 0944.944.945, cầm xe mô tô, số loại Vario, biển số đăng ký 69K1-372.32, cầm giá 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 11/02/2021;

39/ Nguyễn Thị Quyền, số điện thoại 0941.050.105, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69E1-325.53, cầm giá 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 08/3/2021;

40/ Nguyễn Duy Phương, số điện thoại 0919.526.868, cầm xe mô tô, số loại Vario, biển số đăng ký 69E1-438.72, cầm giá 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 10/3/2021;

41/ Quách Văn Phấn, số điện thoại 0918.988.242, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69K1-378.02, cầm giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 21/3/2021;

42/ Nguyễn Minh Kha, số điện thoại 0949.636.400, cầm xe mô tô, số loại Vario, biển số đăng ký 69K1-028.93, cầm giá 7.000.000đ (bảy triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 24/3/2021;

43/ Trương Hoàng Thám, số điện thoại 0901.901.902, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69L1-038.78, cầm giá 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 31/03/2021;

44/ Trần Trung Nguyên, số điện thoại 0939.383.839, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69K1-178.99, cầm giá 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 13/4/2021;

45/ Nguyễn Văn Luyến, số điện thoại 0939.039.049, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69K1 -400.10, cầm giá 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 21/4/2021;

46/ Phan Văn Thiện, số điện thoại 0919.343.435 cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69K1-287.07, cầm giá 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 26/4/2021;

47/ Trần Cao Thắng, số điện thoại 0939.080.080, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69K1-338.39, cầm giá 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 10/5/2021;

48/ Trần Văn Miên, số điện thoại 0886.079.079, cầm xe mô tô, số loại Vario, biển số đăng ký 69K1-379.79, cầm giá 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 18/5/2021;

49/ Đoàn Việt Tiến, số điện thoại 0941.001.002, cầm xe mô tô, số loại Airblade, biển số đăng ký 69K1-300.02, cầm giá 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 20/5/2021;

50/ Nguyễn Thế Hiển, số điện thoại 0943.091.109, cầm xe mô tô, số loại Exciter, biển số đăng ký 69K1-285.01, cầm giá 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng), hợp đồng cầm ngày 29/01/2021.

Khi bị vợ chồng bà H phát hiện, T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, và cam kết trả số tiền chiếm đoạt nhưng thực hiện không đầy đủ. Đến lần thứ hai là khoảng tháng 07/2022 vợ chồng bà H cho T thỏa thuận (có lập thỏa thuận bằng giấy) để T trả dần số tiền đã chiếm đoạt nhưng không làm đúng thỏa thuận. Tổng số tiền mà T đã khắc phục được cho vợ chồng bà H là 330.000.000 đồng, còn lại 988.000.000 đồng.

Quá trình điều tra T và bà H đã đối chiếu số tiền đóng lãi của 50 trường hợp lập không, hai bên thống nhất số tiền đóng lãi mà T đã đóng đối với 50 trường hợp là 107.680.000 đồng, không trừ vào số tiền mà T đã chiếm đoạt.

Tại Kết luận giám định số 206/KL-KTHS ngày 25/5/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận: Chữ ký, chữ viết và chữ số trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1; A2; A3) so với chữ ký, chữ viết và chữ số Nguyễn Quốc T trên tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1; M2; M3) là do cùng một người ký ra (Số theo dõi việc cầm cố do T lập, giấy thỏa thuận, tờ thỏa thuận là chữ ký, chữ viết của Nguyễn Quốc T).

- Tại Cáo trạng số 25/CT-VKS-P1 ngày 22 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đã truy tố T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạt bị cáo tù 08 năm đến 10 năm tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo hoàn trả số tiền còn lại 988 triệu đồng cho vợ chồng bà H.

+ Về xử lý vật chứng: Chuyển lưu theo hồ sơ 02 quyển sổ (bản gốc) ghi các thông tin liên quan đến 50 hợp đồng cầm cố xe gắn máy.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị giảm nhẹ mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- Ông V và bà H trình bày: Đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật, yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền chiếm đoạt còn lại 988 triệu đồng.
- Lời nói sau cùng của bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin được giảm nhẹ hình phạt và đồng ý hoàn trả số tiền chiếm đoạt còn lại là 988 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Qua đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian làm thuê tại Dịch vụ cầm đồ “Quốc V” (địa chỉ: Quốc lộ 1A, khóm N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau) do bà Phan Thị Thúy H và chồng là ông Lữ Quốc V làm chủ, từ tháng 09/2019 đến tháng 06/2021, Nguyễn Quốc T đã lợi dụng việc quản lý lỏng lẻo, chỉ đối chiếu sổ sách của T theo dõi mà không kiểm tra các hợp đồng cầm cố, kiểm đếm xe máy được cầm cố trong cơ sở kinh doanh, nên T đã ghi khống 50 hợp đồng cầm cố xe mô tô để chiếm đoạt tiền của vợ chồng bà H tổng số tiền 1.318.000.000 đồng. Với những tình tiết này, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Chỉ vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền để chi xài cho gia đình và cho cá nhân, mà bị cáo đã lợi dụng công việc của mình trong việc cầm xe mô tô và sự quản lý thiếu chặt chẽ của chủ cơ sở kinh doanh, bị cáo thực hiện hành vi gian dối trong thời gian dài nhằm chiếm đoạt tiền của họ. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của địa phương. Bị cáo chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, phạm tội thì phải bị xử lý và chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo đã gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng sau đây cho bị cáo:

[4.1] Tình tiết giảm nhẹ: Đã khắc phục được một phần thiệt hại; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Chưa có tiền án, tiền sự; Ông nội bị cáo tên Nguyễn Văn S được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất.

[4.2] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên;

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và các đặc điểm nhân thân của bị cáo, xét đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là có

cơ sở. Hội đồng xét xử cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để có thời gian cải tạo thành người tốt cũng như phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với khoản tiền lãi 107.680.000 đồng bị cáo đã trả cho bị hại có nguồn gốc từ số tiền chiếm đoạt 1.318.000.000 đồng, nên được trừ vào khoản tiền bị cáo phải trả lại cho bị hại. Cụ thể, số tiền bị cáo phải hoàn trả cho bị hại là: 1.318.000.000 đồng - 330.000.000 đồng - 107.680.000 đồng = 880.320.000 đồng.

Trường hợp chậm trả số tiền này, bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định.

[7] Về xử lý vật chứng: 02 quyển sổ (bản gốc) ghi các thông tin liên quan đến 50 hợp đồng cầm cố xe gắn máy được chuyển lưu theo hồ sơ.

[8] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo không được chấp nhận.

[9] Do bị kết án và phải bồi thường thiệt hại nên bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạt bị cáo 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23 tháng 10 năm 2023.

2. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Các điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo hoàn trả cho bà Phan Thị Thúy H và chồng là ông Lữ Quốc V số tiền 880.320.000 (tám trăm tám mươi triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chuyển lưu theo hồ sơ 02 (hai) quyển sổ (bản gốc) ghi các thông tin liên quan đến 50 hợp đồng cầm cố xe gắn máy (bút lục 441-481).

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Các điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 38.409.600 (ba mươi tám triệu bốn trăm lẻ chín nghìn sáu trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nd cấp cao tại TP HCM;
- VKS nd tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án hình sự;
- Phòng KTNV&THA TAnd tỉnh Cà Mau;
- Cục THA dân sự tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, án văn, Tòa HS, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế